

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 946/QĐ-ĐHTTr ngày 06 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

Tên chương trình:	Giáo dục mầm non (Preschool Education)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Giáo dục mầm non
Mã số:	7140201
Loại hình đào tạo:	Chính quy

Năm 2024

Phần I
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 946/QĐ-ĐHTT ngày 06 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

Tên chương trình: Giáo dục mầm non

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Giáo dục mầm non

Mã số: 7140201

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân ngành Giáo dục Mầm non có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp. Có nền tảng kiến thức đại cương, cơ sở và chuyên ngành, khả năng thích nghi với mọi môi trường làm việc; có năng lực giảng dạy chương trình dạy học tiếp cận với năng lực trẻ mầm non trên thực tiễn; có kỹ năng nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

- Mục tiêu cụ thể:

MT1: Có kiến thức về lý luận chính trị, giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh, ngoại ngữ và công nghệ thông tin cơ bản.

MT2: Vận dụng sáng tạo những kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ vào việc tổ chức, giám sát, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại trường mầm non.

MT3: Sử dụng thành thạo các kỹ năng lập kế hoạch tổ chức, quản lý các hoạt động chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non; kỹ năng nghiên cứu khoa học và phát triển chương trình giáo dục mầm non.

MT4: Có năng lực thực hành nghề nghiệp để hoạt động trong môi trường giáo dục và các hoạt động xã hội liên quan đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non

MT5: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. Có kỹ năng ứng xử sự phạm linh hoạt, hiệu quả.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp:

Mã CĐR	Nội dung CĐR
Về kiến thức	
CĐR 1	Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh, giáo dục thể chất để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
CĐR 2	Vận dụng những kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ thông tin, ngoại ngữ làm nền tảng cho quá trình học tập và nghiên cứu các môn thuộc chuyên ngành Giáo dục Mầm non.
CĐR 3	Phát triển kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ để tổ chức, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với mọi đối tượng trẻ ở trường mầm non.
CĐR 4	Vận dụng đúng Điều lệ, các quy chế dân chủ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong trường mầm non.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CĐR 5	Lập kế hoạch tổ chức, đánh giá các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo năm học, học kì, tuần, ngày, hoạt động; xây dựng hồ sơ giảng dạy, quản lý lớp.
CĐR 6	Xây dựng các công cụ, thu thập và phân tích được dữ liệu đánh giá sự phát triển của trẻ để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ; đánh giá kết quả lao động sự phạm của bản thân và đồng nghiệp.
CĐR 7	Thực hiện nghiên cứu khoa học ứng dụng trong giáo dục mầm non và phát triển chương trình Giáo dục Mầm non.
Kỹ năng mềm	
CĐR 8	Thực hiện đúng yêu cầu về quản lý nhóm lớp theo quy định; các hoạt động nghệ thuật đặc thù ở trường mầm non; xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống sự phạm; chia sẻ, truyền đạt thông tin chính xác, dễ hiểu đối với trẻ, gia đình, nhà trường, xã hội trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.
CĐR 9	Vận dụng linh hoạt các chương trình giáo dục của nước ngoài phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Mã CDR	Nội dung CDR
CDR 10	Sử dụng tin học và ngoại ngữ trong các hoạt động chuyên môn thông thường; đạt tối thiểu trình độ công nghệ thông tin cơ bản được quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT, trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (hoặc tương đương).
Về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR 11	Tổ chức làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; chịu trách nhiệm đối với nhóm trước các vấn đề cần giải quyết; năng động, sáng tạo, khẳng định năng lực của bản thân.
CDR 12	Thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo; yêu nghề, yêu trẻ, biết động viên, khích lệ trẻ trong quá trình giáo dục; tôn trọng trẻ, đồng nghiệp và cha mẹ trẻ.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên, cán bộ quản lý trong các cơ sở giáo dục mầm non.
- Chuyên viên, trong các cơ quan, tổ chức có liên quan tới đối tượng hoạt động là trẻ mầm non.
- Tư vấn viên, nghiên cứu viên về chuyên môn nghiệp vụ giáo dục mầm non.

4. Khả năng phát triển và nâng cao trình độ

- Các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về giáo dục mầm non.
- Tham gia học các chương trình đào tạo sau đại học về chuyên ngành giáo dục mầm non và chuyên ngành gần.

5. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					NLTC CTN	
							Cứng			Mềm			
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12
A. Kiến thức giáo dục đại cương													
I. Lý luận chính trị													
LL2.1.040.3	Triết học Mác - Lênin	2											
LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2											
LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2											
LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2											
LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2											

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					NLTC CTN	
							Cứng			Mềm			
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12
II. Ngoại ngữ													
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		2								2		
NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2										2		
NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3										2		
III. Tin học													
TN2.1.501.2	Tin học đại cương			3									
IV. Khoa học tự nhiên, xã hội													
TN2.1.403.2	Sinh lý học trẻ em				3								
TN2.1.158.3	Toán ứng dụng		2										
TN2.1.440.2	Môi trường và con người			3								1	1
VD2.1.091.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam		2										
LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương		2										
V. Giáo dục thể chất													
Bắt buộc													
TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 (Bơi lội)	2											
Tự chọn nhóm 1 (1 x 3 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:													
TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	2											
TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	2											
TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	2											
TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	2											
TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	2											
TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)	2											
TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)	2											
TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	2											
Tự chọn nhóm 2 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:													

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					NLTC CTN	
							Cứng			Mềm			
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12
TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	2											
TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2											
TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2											
TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	2											
TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	2											
TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)	2											
TC2.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2											
TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	2											
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh													
TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1	1											
TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2	1											
TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3	1											
TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4	1											
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp													
I. Kiến thức cơ sở ngành													
Bắt buộc													
TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương			2									
TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương			2									
VD2.1.142.2	Âm nhạc cơ bản			2					2				
VD2.1.143.2	Đàn phím điện tử			2					2				
NT2.1.011.3	Mỹ thuật cơ bản			2								1	
VD2.1.144.2	Múa cơ bản			2					2				
LL2.1.005.2	QLHC NN và QL ngành GD và ĐT				2								2
XH2.1.048.3	Văn học trẻ em và PP đọc, kể diễn cảm		3						2			1	
Tự chọn (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong 02 học phần sau:													

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					NLTC CTN	
							Cứng			Mềm			
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12
XH2.1.002.2	Tiếng Việt thực hành		3					2			2		
XH2.1.050.2	Văn học dân gian Việt Nam 1						2				1		
II. Kiến thức chuyên ngành													
Bắt buộc													
MN2.1.037.3	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non			2				3			1		
MN2.1.038.3	Giáo dục học mầm non			2		3					1		
MN2.1.060.3	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non			3		3		2					
MN2.1.014.2	Giáo dục hòa nhập			3				2			3		
MN2.1.042.3	Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non			3		3					2		
MN2.1.025.2	Kĩ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non			3		3					2		
MN2.1.043.3	Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh			2		3					1		
MN2.1.044.3	Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non			2				3			1		
MN2.1.045.3	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non							3	1		2		
MN2.1.046.3	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non			2		3					1		

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					NLTC CTN	
							Cứng			Mềm			
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12
MN2.1.016.3	Lý luận và phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học			2					3			1	
MN2.1.047.3	Chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non					3				2		1	
MN2.1.061.2	Quản lý giáo dục mầm non				2	2			3				
MN2.1.020.2	Đánh giá trong giáo dục mầm non						3					1	1
MN2.1.062.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non		2					3				2	
ĐD2.1.062.3	Dinh dưỡng trẻ em			3					1			1	
ĐD2.1.061.3	Vệ sinh - Phòng bệnh trẻ em			2					3			1	
TN2.1.504.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non.							3			2		
MN2.1.055.2	Tổ chức hoạt động vui chơi			2			2		2			3	
Tự chọn (2 x 2 tín chỉ); chọn 02 trong 05 học phần sau:													
MN2.1.056.2	Hình thành khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non			2		3			1				
TL2.1.014.2	Tâm bệnh học			2									
MN2.1.041.2	Phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non			3		2						3	
MN2.1.023.2	Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian			3		3						2	
Bổ trợ													
MN2.1.048.2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non			3					2				

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					NLTC CTN	
							Cứng			Mềm			
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12
MN2.1.049.2	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non			3					2				
MN2.1.026.2	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non			3		3						2	
MN2.1.050.3	Kỹ thuật làm đồ chơi, đồ dùng dạy học			2					3			3	
MN2.1.054.2	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm			2		3			2				
III. Thực tập													
MN2.1.030.4	Thực tập 1			2		3							
MN2.1.031.4	Thực tập 2			2		3							
IV. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp													
Khóa luận tốt nghiệp:													
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp													
MN2.1.051.2	Giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non			2		3			2				
KT2.1.001.3	Đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non			2		3							
MN2.1.059.2	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non			3		2			1				
MN2.1.053.6	Khóa luận tốt nghiệp												
Tổng số tín chỉ toàn khóa: 132 tín chỉ (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)													

0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo. (Theo thang đo nhận thức Bloom)

6. Thời gian đào tạo: 4 năm

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 132 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh), trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 33 tín chỉ;
- Kiến thức cơ sở ngành: 20 tín chỉ;
- Kiến thức chuyên ngành: 65 tín chỉ;
- Thực tập: 8 tín chỉ;
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ.

8. Chuẩn đầu vào:

- Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.
- Phương thức tuyển sinh: theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.
- Vùng tuyển sinh: cả nước.

9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Theo Quyết định 667/QĐ-ĐHTTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

10. Thang điểm

Quyết định 667/QĐ-ĐHTTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

11. Nội dung chương trình

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiền quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			33					
I. Lý luận chính trị			11					
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác Lênin	3	43	2			
2	LL2.1.041.2	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2	25	5			LL2.1.040.3
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	29	1			LL2.1.041.2
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10			LL2.1.042.2

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiền quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20	10			LL2.1.043.2
II. Ngoại ngữ			9					
6	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	22	23			
7	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3	22	23			NN2.1.001.3
8	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3	22	23			NN2.1.002.3
III. Tin học			2					
9	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15			
IV. Khoa học tự nhiên, xã hội			11					
10	TN2.1.403.2	Sinh lý học trẻ em	2	19	11			
11	TN2.1.158.3	Toán ứng dụng	3	22	23			
12	TN2.1.440.2	Môi trường và con người	2	23	1	6	9	
13	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	22	3		15	
14	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	29	1			LL2.1.040.3
V. Giáo dục thể chất			7					
Bắt buộc								
15	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 (Bơi lội)	2	2	1	27		
Tự chọn nhóm 1 (1 x 3 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau			3*					
16	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	3*	4	1	40		
17	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3*	3	1	41		
18	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3*	3	2	40		

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiền quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	
19	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	3*	3	1	41		
20	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	3*	2	1	42		
21	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)	3*	3	2	40		
22	TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)	3*	4	1	40		
23	TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	3*	3	1	41		
Tự chọn nhóm 2 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:			2*					
24	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	2*		1	29		
25	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2*		1	29		
26	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2*		1	29		
27	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	2*		1	29		
28	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	2*	2	1	27		
29	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)	2*		1	29		
30	TC2.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2*		1	29		
31	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	2*	2	1	27		

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiền quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh			9					
32	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1	3	45				
33	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2	2	30				
34	TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3	2	14	1	15		
35	TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4	2	4		56		
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			99					
I. Kiến thức cơ sở ngành			20					
Bắt buộc			18					
36	TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương	2	15	15			
37	TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương	2	12	18			TL2.1.001.2
38	VD2.1.142.2	Âm nhạc cơ bản	2	12	18			
39	VD2.1.143.2	Đàn phím điện tử	2	2	28			VD2.1.142.2
40	NT2.1.011.3	Mỹ thuật cơ bản	3	14	31			
41	VD2.1.144.2	Múa cơ bản	2	2	28			
42	LL2.1.005.2	QLHC NN và QL ngành GD và ĐT	2	15	15			LL2.1.040.3
43	XH2.1.048.3	Văn học trẻ em và PP đọc, kể diễn cảm	3	32	13			
Tự chọn (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong 02 học phần sau:			2*					
44	XH2.1.002.2	Tiếng Việt thực hành	2	13	17			
45	XH2.1.050.2	Văn học dân gian Việt Nam 1	2	14	16			

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiền quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	
II. Kiến thức chuyên ngành			65					
Bắt buộc			50					
46	MN2.1.037.3	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	3	30	15			TL2.1.001.2
47	MN2.1.038.3	Giáo dục học mầm non	3	30	15			TL2.1.003.2
48	MN2.1.060.3	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non	3	22	23			MN2.1.038.3
49	MN2.1.014.2	Giáo dục hòa nhập	2	14	11		5	MN2.1.038.3
50	MN2.1.042.3	Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non	3	22	23			TN2.1.158.3
51	MN2.1.043.3	Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh	3	21	24			MN2.1.038.3
52	MN2.1.044.3	Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	30	15			MN2.1.037.3 ; MN2.1.038.3
53	MN2.1.045.3	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	26	19			NT2.1.011.3;

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiền quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	
54	MN2.1.046.3	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3	18	27			VD2.1.142.2
55	MN2.1.016.3	Lý luận và phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	24	21			XH2.1.048. 3
56	MN2.1.047.3	Chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non	3	23	22			MN2.1.038.3
57	MN2.1.061.2	Quản lý giáo dục mầm non	2	20	10			MN2.1.038.3
58	MN2.1.020.2	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	16	14			MN2.1.047.3 , MN2.1.038.3
59	MN2.1.062.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	2	17	13			MN2.1.038.3
60	ĐD2.1.062.3	Dinh dưỡng trẻ em	3	23	12	20		
61	ĐD2.1.061.3	Vệ sinh - Phòng bệnh trẻ em	3	29	16			TN2.1.403.2
62	TN2.1.504.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non.	2	12	18			TN2.1.501.2
63	MN2.1.055.2	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	13	17			MN2.1.037.3 ; MN2.1.038.3

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiền quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	
64	MN2.1.025.2	Kĩ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non	2	16	14			MN2.1.038.3 ; MN2.1.037.3
Tự chọn (2 x 2 tín chỉ); chọn 02 trong 04 học phần sau:			4*					
65	MN2.1.041.2	Phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non	2	19	11			MN2.1.060.3 ;
66	MN2.1.023.2	Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	2	14	16			MN 2.1.042.3
67	MN2.1.056.2	Hình thành khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non	2*	22	8			MN2.1.044.3
68	TL2.1.014.2	Tâm bệnh học	2*	14	16			
Bổ trợ			11					
69	MN2.1.048.2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non	2	15	15			MN 2.1.038.3
70	MN2.1.049.2	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2	14	16			MN2.1.038.3
71	MN2.1.026.2	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	16	14			
72	MN2.1.050.3	Kĩ thuật làm đồ chơi, đồ dùng dạy học	3	5	40			NT2.1.011.3
73	MN2.1.054.2	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2	4	11		45	MN2.1.038.3

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
III. Thực tập			8					
74	MN2.1.030.4	Thực tập 1	4				200	MN 2.1.047.3
75	MN2.1.031.4	Thực tập 2	4				200	MN2.1.030.4
IV. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6					
Khóa luận tốt nghiệp			6					
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6					
76	MN2.1.051.2	Giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non	2	16	14			MN2.1.038.3 ; MN2.1.055.2
77	KT2.1.001.3	Đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non	2	20	10			LL2.1.007.2; MN2.1.025.2
78	MN2.1.059.2	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	2	20	10			MN2.1.047.3
Tổng số tín chỉ toàn khóa (không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh): 132 tín chỉ			132	1153	873	679	549	

12. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác Lênin		3	3							
2	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		3	3							
3	TN2.1.158.3	Toán ứng dụng		3	3							
4	TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2	2							
5	TN2.1.403.2	Sinh lý học trẻ em		2	2							

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
6	TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương		2	2							
7	TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương		2	2							
8	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1		2	2*							
Tự chọn nhóm 1 (1 x 3 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:				3		3*						
9	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)		3								
10	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)		3								
11	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)		3								
12	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)		3								
13	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)		3								
14	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)		3								
15	TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)		3								
16	TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)		3								
17	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1		3		9*						
18	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2		2								
19	TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3		2								
20	TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4		2								
21	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác Lênin	LL2.1.040.3	2		2						

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
22	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3	3		3						
23	NT2.1.011.3	Mỹ thuật cơ bản		3		3						
24	MN2.1.037.3	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	TL2.1.001.2	3		3						
25	MN2.1.038.3	Giáo dục học mầm non	TL2.1.003.2	3		3						
Tự chọn: Chọn (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong 02 học phần sau:												
26	XH2.1.002.2	Tiếng Việt thực hành		2*		2*						
27	XH2.1.050.2	Văn học dân gian Việt Nam 1		2*		2*						
Tự chọn nhóm 2 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:				2*								
28	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)		2*			2*					
29	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)		2*								
30	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)		2*								
31	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)		2*								
32	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)		2*								
33	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)		2*								
34	TC2.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)		2*								
35	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)		2*								
36	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LL2.1.041.2	2			2					

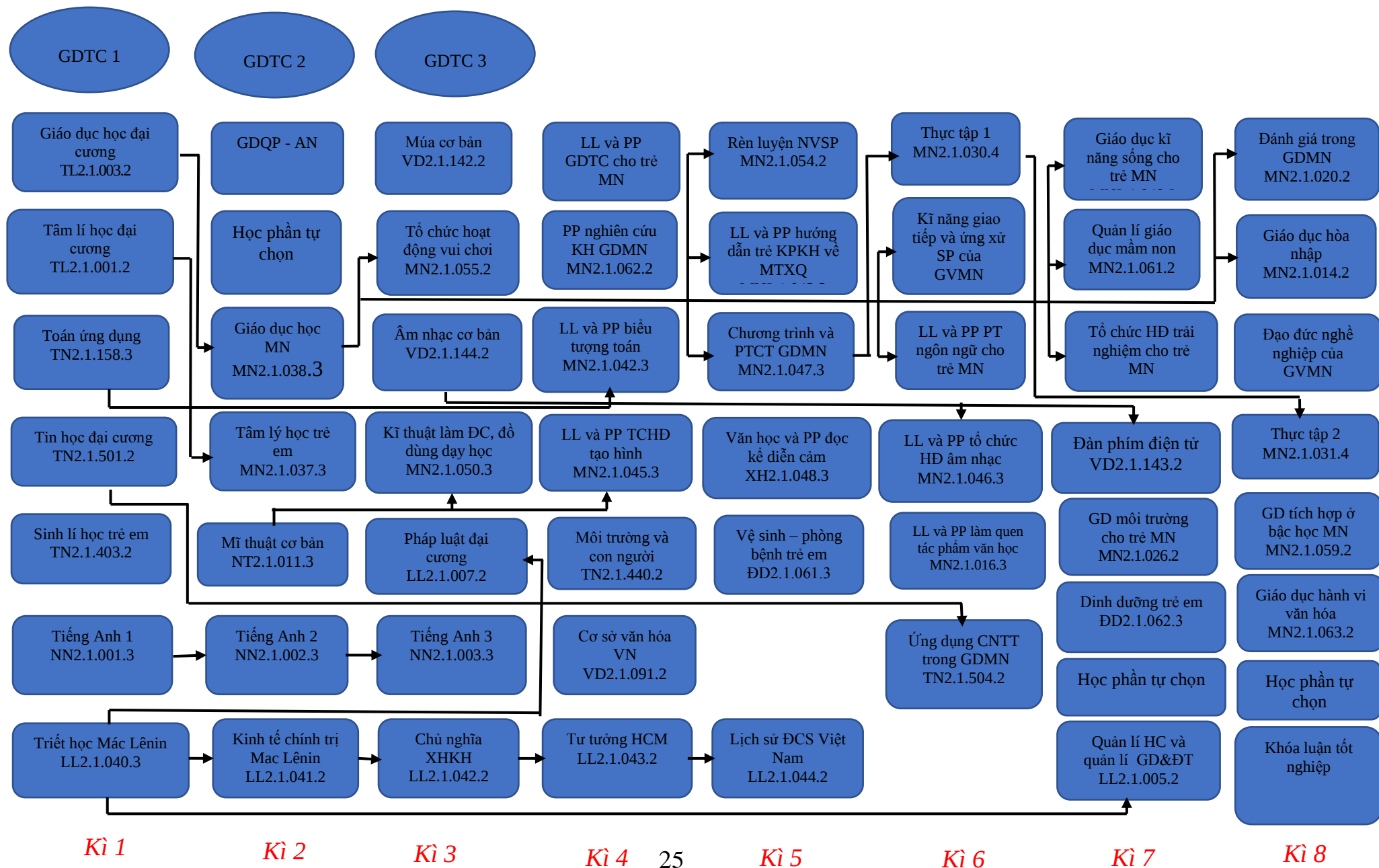
Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
37	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	NN2.1.002.3	3			3					
38	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	LL2.1.040.3	2			2					
39	VD2.1.142.2	Múa cơ bản		2			2					
40	VD2.1.144.2	Âm nhạc cơ bản		2			2					
41	MN2.1.050.3	Kĩ thuật làm đồ chơi, đồ dùng dạy học	NT2.1.011.3	3			3					
42	MN2.1.055.2	Tổ chức hoạt động vui chơi	MN2.1.037.3; MN2.1.038.3	2			2					
43	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.042.2	2				2				
44	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2				2				
45	TN2.1.440.2	Môi trường và con người		2				2				
46	MN2.1.060.3	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non	MN3.1.038.3	3				3				
47	MN2.1.042.3	Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non	TN2.1.158.2	3				3				
48	MN2.1.045.3	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	NT2.1.011.3;	3				3				
49	MN2.1.062.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	MN2.1.038.3	2				2				

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
50	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LL2.1.043.2	2					2			
51	XH2.1.048.3	Văn học trẻ em và PP đọc kể diễn cảm		3					3			
52	ĐD2.1.061.3	Vệ sinh – Phòng bệnh trẻ em	TN2.1.403.2	3					3			
53	MN2.1.047.3	Chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non	MN2.1.038.3	3					3			
54	MN2.1.043.3	Lý luận và phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh	MN2.1.038.3	3					3			
55	MN2.1.054.2	Rèn luyện rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	MN2.1.038.3	2					2			
56	MN2.1.044.3	Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	MN2.1.038.3	3						3		
57	MN2.1.016.3	Lý luận và phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	XH2.1.048.3	3						3		
58	MN2.1.046.3	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	VD2.1.144.2	3						3		

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
59	MN2.1.025.2	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non	MN2.1.038.3	2						2		
60	TN2.1.504.2	Ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non	TN2.1.501.2	2						2		
61	MN2.1.030.4	Thực tập 1		4						4		
62	LL2.1.005.2	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	LL2.1.040.3	2							2	
63	VD2.1.143.2	Đàn phím điện tử	VD2.1.142.2	2							2	
64	MN2.1.026.2	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non		2							2	
65	MN2.1.061.2	Quản lý giáo dục mầm non	MN2.1.038.3	2							2	
66	MN2.1.048.2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non	MN2.1.038.3	2							2	
67	ĐD2.1.062.3	Dinh dưỡng trẻ em		3							3	
68	MN2.1.049.2	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	MN2.1.038.3	2							2	
Tự chọn: Chọn (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong 02 học phần sau:												
69	TL2.1.014.2	Tâm bệnh học		2*							2*	
70	MN2.1.023.2	Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian	MN 2.1.042.3	2*							2*	

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
71	MN2.1.020.2	Đánh giá trong giáo dục mầm non	MN2.1.047.3, MN2.1.038.3	2									2
72	MN2.1.063.2	Giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non	MN2.1.038.3; MN2.1.055.2	2									2
73	MN2.1.059.2	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	MN2.1.047.3	2									2
74	MN2.1.014.2	Giáo dục hòa nhập	MN2.1.038.3	2									2
75	KT2.1.001.3	Đạo đức nghề nghiệp của GVMN	LL2.1.007.2; MN2.1.025.2	2									2
Tự chọn: Chọn (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong 02 học phần sau:													
76	MN2.1.056.2	Hình thành khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non	MN2.1.044.3	2*									2*
77	MN2.1.041.2	Phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non	MN2.1.060.3;	2*									2*
78	MN2.1.031.4	Thực tập 2	MN2.1.030.4	4									4
	Khóa luận tốt nghiệp			6									6
Cộng (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh):					17	16	16	17	16	17	17		16

13. Bản đồ chương trình dạy học



14. Mô tả các học phần

14.1. Triết học Mác Lênin:

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm 3 chương, Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm những vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

14.2. Kinh tế chính trị Mác Lênin:

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Triết học Mác – Lê nin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác – Lê nin như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

14.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học:

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học như: sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, liên minh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội để từ đó người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá được thực tiễn chủ nghĩa xã hội trên thế giới và trong nước.

14.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh:

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người.

14.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam:**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành tựu, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng.

14.6. Tiếng Anh 1**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thi hiện tại đơn đơn, sự sở hữu, đại từ chỉ định; sở thích cá nhân, hoạt động thời gian rảnh rỗi; Mô tả về bản thân, gia đình, công việc, khả năng của bản thân bằng Tiếng Anh.

14.7. Tiếng Anh 2**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tiếng Anh 1

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn; cách đưa ra ý kiến cá nhân, cách thể hiện mong muốn, sở thích, cách xác định vị trí, cách mô tả cảm xúc, và mô tả tranh, và mô tả một chuyến đi với các chủ đề thức ăn, thời trang, diện mạo bề ngoài bằng Tiếng Anh.

14.8. Tiếng Anh 3**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tiếng Anh 2

Học phần này gồm các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp cụ thể; Trang bị cho người học lượng từ vựng một cách đầy đủ về các chủ đề quen thuộc của đời sống hàng ngày như du lịch, phim và nghệ thuật,... Học phần cung cấp cho người học các cấu trúc ngữ pháp về thi hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn.

14.9. Tin học đại cương**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm ứng dụng Microsoft Office (biết tạo và xử lý văn bản bằng phần mềm MS Word, tạo và xử lý bảng tính MS Excel, thiết kế trang trình diễn với phần mềm PowerPoint) và mạng máy tính, Internet.

14.10. Sinh lý học trẻ em**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm cấu tạo, chức năng và quá trình sinh lý của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em; Các biện pháp chăm sóc và giáo dục trẻ em một cách khoa học, phù hợp với lứa tuổi.

14.11. Toán ứng dụng**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức về: Tập hợp, quan hệ, ánh xạ, số tự nhiên, xác suất và thống kê toán.

14.12. Môi trường và con người**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về môi trường; sự gia tăng dân số và các vấn đề ô nhiễm môi trường; những giải pháp thích hợp để đạt tới sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên trong phát triển bền vững.

14.13. Cơ sở văn hóa Việt Nam**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về khái niệm văn hoá, không gian văn hóa Việt Nam, loại hình văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam (văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức cộng đồng, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội); bản sắc văn hóa dân tộc. Hình thành thái độ tích cực cho sinh viên với việc giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc.

14.14. Pháp luật đại cương**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Triết học Mác – Lê nin

Học phần Pháp luật đại cương gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật; pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự; pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự; pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính; pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

14.15. Giáo dục thể chất 1**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.16. Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bóng đá; một số điểm luật, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.17. Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bóng bàn; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.18. Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng chuyền, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.19. Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn cầu lông; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.20. Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn võ Vovinam, phòng chống chấn thương và tự vệ trong cuộc sống; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.21. Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn điền kinh, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.22. Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.23. Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng rổ, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

Giáo dục thể chất 3 (Học phần tự chọn 2)

2TC

14.24. Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bóng đá; bài tập phối hợp, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè. 18/5/73

14.25. Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bóng bàn; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.26. Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng chuyền, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.27. Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn cầu lông; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.28. Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn võ Vovinam, phòng tránh chấn thương và tự vệ trong cuộc sống; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.29. Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.30. Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng rổ, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.31. Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn điền kinh, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

Giáo dục Quốc phòng – An ninh

9 TC

14.32. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và công tác quốc phòng an ninh trong tình hình mới; hình thành phẩm chất đạo đức, yêu chủ nghĩa xã hội, nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần đoàn kết.

14.33. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, những quy định của pháp luật về một số vấn đề xã hội.

14.34. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về các quy định nền nếp, nội vụ, điều lệnh; lịch sử, truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam; Nội dung, bản chất của một số kỹ năng cơ bản trong chiến đấu. Hình thành kỹ năng quân sự chung, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ đối với Tổ quốc.

14.35. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về tính năng, cấu tạo, nguyên lý sử dụng, bảo quản một số loại vũ khí bộ binh thông thường; Nguyên lý kỹ thuật chiến đấu cá nhân; Các quy định khi thực hiện một số nhiệm vụ trong quân đội. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

14.36. Tâm lý học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các kiến thức về: Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý; Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành, phát triển tâm lí; Sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Trí nhớ; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

14.37. Giáo dục học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về khái niệm, bản chất, chức năng, nhiệm vụ của giáo dục, sự phát triển nhân cách, mục đích giáo dục, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân

14.38. Âm nhạc cơ bản

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức về Lý thuyết âm nhạc cơ bản, phương pháp xướng âm và học hát các bài hát lứa tuổi mầm non theo các chủ đề ở trường Mầm non.

14.39. Đàn phím điện tử

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Âm nhạc cơ bản

Học phần bao gồm các nội dung về phương pháp rèn các kỹ năng độc tấu đàn phím điện tử cho sinh viên Đại học Mầm non. Từ đó sinh viên biết vận dụng các phương pháp đó để luyện tập đàn những bài hát trong chương trình giáo dục âm nhạc ở trường Mầm non.

14.40. Mỹ thuật cơ bản

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức về nghệ thuật tạo hình về màu và trang trí; nắm được kiến thức cơ bản về tỉ lệ người; phóng tranh; vẽ tranh minh họa. Một số hình thức tạo hình và kĩ thuật xé, cắt, dán; nặn khối cơ bản; nặn bằng cách ghép khối; nặn từ một khối đất.

14.41. Múa cơ bản

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm kiến thức khái quát về nghệ thuật múa, giới thiệu một số động tác múa dân gian cơ bản của một số dân tộc Việt Nam như: Kinh, Thái, Tày, H'mông, Tây Nguyên và một số động tác múa Bale cơ bản. Người học biết biên đạo những tiết mục múa cho trẻ Mầm non.

14.42. Quản lý hành chính nhà nước và QL ngành Giáo dục và Đào tạo 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Triết học Mác - Lênin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Nhà nước CHXHCN Việt Nam, quản lý hành chính nhà nước, đường lối quan điểm của Đảng và nhà nước về giáo dục và đào tạo, luật Giáo dục và các điều lệ, quy chế trong hoạt động giáo dục, thực tiễn giáo dục địa phương, giúp người học hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của nhà giáo trong tương lai.

14.43. Văn học trẻ em và phương pháp đọc kể diễn cảm

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức về văn học viết cho trẻ em ở Việt Nam; thơ do trẻ em viết ở Việt Nam; văn học thiếu nhi nước ngoài; vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non; nghệ thuật và kĩ thuật đọc, kể tác phẩm văn học cho trẻ lứa tuổi mầm non.

14.44. Tiếng Việt thực hành

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học bao gồm các kiến thức về rèn luyện kĩ năng đọc và đọc hiểu văn bản, rèn luyện kĩ năng nghe - nói, rèn luyện kĩ năng viết chữ ; kĩ năng dùng từ, đặt câu chuẩn tiếng Việt.

14.45. Văn học dân gian Việt Nam 1

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức về văn học dân gian Việt Nam: khái niệm, đặc trưng, nội dung, thi pháp của một số thể loại tiêu biểu.

14.46. Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tâm lý học đại cương

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về tâm lý học trẻ em, về lịch sử và quy luật phát triển của tâm lý học trẻ em; đặc điểm phát triển tâm lý và các dạng hoạt động của trẻ từ 0-6 tuổi.

14.47. Giáo dục học mầm non

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học đại cương

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận chung của giáo dục mầm non, về chương trình giáo dục mầm non và người giáo viên mầm non trong giai đoạn hiện nay; tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề và tổ chức chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.

14.48. Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần này gồm các kiến thức về lý luận giáo dục thể chất, các nguyên tắc và nhiệm vụ giáo dục thể chất, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện giáo dục thể chất; công tác tổ chức giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non.

14.49. Phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non (học phần tự chọn)

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non

Học phần gồm các kiến thức về cơ sở lý luận của phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non; Quá trình hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non ; Hệ thống phương pháp hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non.

14.50. Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non

3TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Toán ứng dụng

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học về: Tập hợp, số lượng, phép đếm; biểu tượng kích thước, biểu tượng hình dạng, biểu tượng về định hướng trong không gian và thời gian cho trẻ mẫu giáo.

14.51. Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian (học phần tự chọn)

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận, phương pháp và tiến trình dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian.

14.52. Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về những vấn đề lý luận chung về phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh: Mục đích, nhiệm vụ và nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh. Sinh viên vận dụng được kiến thức để lập kế hoạch và đánh giá hoạt động làm quen với môi trường xung quanh của trẻ tại trường mầm non.

14.53. Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần gồm có kiến thức về những vấn đề lý luận chung; nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non; dạy trẻ nhận biết tập nói 3 năm đầu; phát triển ngôn ngữ tuổi mẫu giáo.

14.54. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Mỹ thuật cơ bản

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về: ý nghĩa, nhiệm vụ và đặc điểm của hoạt động tạo hình; Phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các thể loại; Kế hoạch tổ chức, đánh giá hoạt động tạo hình trong trường mầm non.

14.55. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Âm nhạc cơ bản

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về giáo dục âm nhạc, vai trò của giáo dục âm nhạc cũng như các phương pháp, hình thức và cách thức soạn giảng tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non.

14.56. Lý luận và phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Văn học trẻ em và phương pháp đọc kể diễn cảm

Học phần gồm có kiến thức về những vấn đề lý luận chung, các nguyên tắc, hình thức, phương pháp cơ bản tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non và lập kế hoạch, tập giảng.

14.57. Chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần gồm các kiến thức về chương trình giáo dục nhà trẻ và chương trình giáo dục mẫu giáo, Phát triển chương trình GDMN, lập kế hoạch tổ chức thực hiện CT GDMN, tổ chức các hoạt động GD tích hợp theo chủ đề, xây dựng MTGD trong trường MN, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN.

14.58. Quản lý giáo dục mầm non 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần gồm những kiến thức về quản lý giáo dục; quản lý trường mầm non; giáo viên mầm non và công tác quản lý nhóm lớp trong trường mầm non; quản lý năng lực giáo viên mẫu giáo theo tiếp cận kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non.

14.59. Đánh giá trong giáo dục mầm non 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần gồm các kiến thức về đánh giá trong giáo dục mầm non: Khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá; Sử dụng các biện pháp và kỹ thuật đánh giá nhằm đánh giá các vấn đề cơ bản trong giáo dục mầm non như: Cơ sở giáo dục mầm non, chương trình giáo dục mầm non, hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non và sự phát triển của trẻ mầm non.

14.60. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, các phương pháp nghiên cứu lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, các bước tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học, bước đầu sinh viên xây dựng được một đề cương nghiên cứu có ý nghĩa với thực tiễn giáo dục mầm non hiện nay.

14.61. Dinh dưỡng trẻ em 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về: Dinh dưỡng học trẻ em, cách xây dựng khẩu phần và thực đơn phù hợp với độ tuổi; Các nội dung hoạt động dinh dưỡng trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em. Mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục dinh dưỡng sức khỏe cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp.

14.62. Vệ sinh – Phòng bệnh trẻ em

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Sinh lý học trẻ em

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về vệ sinh và phòng bệnh trẻ em: Tổ chức vệ sinh, giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ em lứa tuổi mầm non. Các bệnh thường gặp, cách phòng và xử trí ban đầu một số tai nạn thường gặp ở trẻ; Mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.

14.63. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tin học đại cương

Giải thích được xu hướng, tác động của công nghệ thông tin (CNTT) trong Giáo dục và Đào tạo; phân tích được cơ sở lý luận của việc ứng dụng công nghệ thông tin (UDCNTT) trong dạy học ở mầm non; vận dụng, khai thác được một số ứng dụng dạy học và công cụ đánh giá trực tuyến, xây dựng được quy trình và thiết kế được bài dạy có ứng dụng CNTT trong dạy học.

14.64. Tổ chức hoạt động vui chơi

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về hoạt động vui chơi và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non: trò chơi đóng vai có chủ đề, trò chơi đóng kịch, trò chơi lắp ghép-xây dựng, trò chơi học tập, trò chơi vận động, trò chơi dân gian, trò chơi điện tử.

14.65. Giáo dục hòa nhập

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần gồm những kiến thức về những vấn đề lý luận chung về trẻ khuyết tật và giáo dục hòa nhập: Khái niệm, đặc điểm từng nhóm trẻ khuyết tật, cách thức hỗ trợ các nhóm trẻ này khi tổ chức môi trường và hoạt động trong lớp hòa nhập ở trường mầm non

14.66. Hình thành khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non (học phần tự chọn)

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

Học phần gồm có kiến thức về những vấn đề lý luận chung; những biểu hiện và sự hình thành khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non; cho trẻ làm quen với chữ viết trong trò chơi học tập; lựa chọn và sử dụng tác phẩm văn học giúp trẻ mẫu giáo làm quen với đọc sách.

14.67. Tâm bệnh học (học phần tự chọn)

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức khái quát về tâm bệnh học, bao gồm: khái niệm, đối tượng của tâm bệnh học, nhiệm vụ của tâm bệnh học trẻ em, lịch sử hình thành, cách phân loại bệnh, phương pháp đánh giá tình trạng bệnh lý của trẻ em; Các rối loạn tâm lý của trẻ em lứa tuổi mầm non; Cách phòng ngừa rối loạn tâm lý và cách can thiệp rối loạn tâm lý cho trẻ em lứa tuổi mầm non.

14.68. Kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần cung cấp những kiến thức chung, những đặc trưng cơ bản về kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non; Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non để xử lý các tình huống thường gặp với trẻ, với đồng nghiệp và với cha mẹ trẻ.

14.69. Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần trình bày những vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm của trẻ mầm non, tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ về quy trình, yêu cầu, phương pháp và tổ chức môi trường cho trẻ trải nghiệm. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên có thể vận dụng tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.

14.70. Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần trình bày những vấn đề chung về kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam, các nước trong khu vực; giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. Trên cơ sở đó, giúp trẻ có thể vận dụng vào giải quyết hiệu quả các tình huống trong cuộc sống.

14.71. Giáo dục môi trường cho trẻ mầm

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung về giáo dục môi trường; cơ sở khoa học của giáo dục môi trường cho trẻ mầm non; các quá trình giáo dục môi trường ở trường mầm non

14.72. Kỹ thuật làm đồ chơi, đồ dùng dạy học**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Mĩ thuật cơ bản

Học phần giới thiệu khái quát những vấn đề chung về đồ chơi: tác dụng, nguyên tắc làm đồ chơi. Kỹ thuật làm một số đồ chơi cho trẻ mầm non: đồ chơi xếp hình; đồ chơi theo chủ đề và đồ chơi học tập.

14.73. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục học mầm non

Học phần củng cố cho sinh viên những hiểu biết chung về công việc của giáo viên mầm non, về trường lớp mầm non; hướng dẫn sinh viên thực hành lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non theo các lĩnh vực phát triển và chủ đề giáo dục.

14.74. Thực tập 1**4 TC**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non

Học phần gồm các hoạt động: tìm hiểu thực tế giáo dục địa phương, tình hình thực tế giáo dục ở trường mầm non hiện nay; thực tập hoạt động chăm sóc và giảng dạy các môn học; làm công tác chủ nhiệm lớp. Viết báo cáo thu hoạch của sinh viên thực tập.

14.75. Thực tập 2**4 TC**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Thực tập 1

Học phần gồm các hoạt động: tìm hiểu thực tế giáo dục địa phương, tình hình thực tế giáo dục ở trường mầm non hiện nay; thực tập hoạt động chăm sóc và giảng dạy các môn học; làm công tác chủ nhiệm lớp. Viết báo cáo thu hoạch của sinh viên thực tập.

14.76. Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về giá trị và giáo dục giá trị đạo đức cho trẻ mầm non; khái niệm chung về hành vi văn hóa; quá trình giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non; nội dung, phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi và giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ đặc biệt.

14.77. Đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non, Pháp luật đại cương

Học phần này bao gồm những vấn đề lý luận về đạo đức nghề nghiệp giáo viên mầm non; quy tắc và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non

14.78. Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non

Học phần này cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về giáo dục tích hợp, giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non; vai trò, khai niệm, những yêu cầu, phương pháp, hình thức và các giai đoạn tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non.

15. Hướng dẫn thực hiện chương trình

15.1. Quy định chung

- Căn cứ thực hiện chương trình: Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành ... được thiết kế theo hướng phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của người học, tích hợp chuyên môn và nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm tốt những công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

- Khi thực hiện nội dung chương trình, các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần đã được duyệt; nếu có những nội dung cần thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các khoa, trung tâm, bộ môn xây dựng đủ đề cương bài giảng, ngân hàng dữ liệu để tạo điều kiện cho tất cả các học phần tổ chức giảng dạy theo hướng tích cực hóa các hoạt động, đặc biệt là hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu tài liệu; cần phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu về tài liệu, giáo trình, thiết bị dạy học; tăng cường hoạt động tự nghiên cứu, tăng cường hình thức giao nhiệm vụ cho người học và tổ chức học tập, hoạt động theo nhóm.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên lên lớp phải được bố trí hợp lý về chuyên môn của từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, mỗi năm học được chia thành 2 học kì, mỗi học kì là 15 tuần (không tính thời gian ôn tập và thi); trong điều kiện cụ thể có thể tổ chức học kỳ phụ.

- Quy định thực hiện các học phần:

+ Các học phần lí thuyết học tại lớp: không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày, được chia thành các phần: lí thuyết, bài tập, thảo luận, kiểm tra, thực hành môn học.

+ Học phần thực tập: thời gian không quá 40 giờ/tuần.

+ Mỗi giờ học là 50 phút.

15.2. Hướng dẫn lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học

Giảng viên lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học phải được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

15.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần

Theo Quyết định 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

15.4. Hướng dẫn xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

Theo Quyết định 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

KHOA SƯ PHẠM

TRƯỞNG KHOA

TS. Vũ Thị Kiều Trang

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Minh Anh Tuấn